TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:77/2017/DS- ST
Ngày 20 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Lê Thị Thu Ba**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phạm Xoa**
2. Ông **Nguyễn Xuân Tùng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu TP Đà Nẵng tiến hành công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số 79/2017/TLST-DS ngày 29/3/2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77a/2017/QĐXXST- DS ngày 31/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2017/QĐST DS ngày 24/8/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP Việt Nam T (tên giao dịch VPB)**. Hội sở chính: Hội sở chính: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Bà **Hoàng Thị Diệu T** - Trú tại: Sô Kiệt 4/482/9/16 đường N, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng là nhân viên Ngân hàng tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền lại số 1252/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 16/3/2017 của ông Lê Hiền T, chức vụ Trưởng Phòng thu hồi nợ pháp lý, kiêm quản lý pháp chế VPB. Có mặt.

Ông Lê Hiền T được ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị VPB ủy quyền khởi kiện theo Văn bản ủy quyền số 06/2016/UQ-CT ngày 08/2/2017.

2. ***Bị đơn***: Bà **Trần Thị M** – Sinh năm 1974 – Nơi cư trú: K122/22 đường T, tổ 52, phường B, quận H, tp Đà Nẵng. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu TP Đà Nẵng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam T bà Hoàng Thị Diệu T trình bày:

Vào ngày 24/9/2013 Ngân hàng TMCP Việt Nam T và bà Trần Thị M có ký hợp đồng tín dụng số 20130926 – 142003 – 0011 để cho bà M vay số tiền là 57.000.000đ lãi suất là 2,92%/tháng, phí bảo hiểm là 2.850.000đ tổng số tiền vay là 59.850.000đ, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, theo thỏa thuận tại hợp đồng bà Trần Thị M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền là 98.086.000đ gồm tiền gốc và lãi, thời hạn trả trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả số tiền là 2.708.000đ vào ngày 01 hàng tháng bắt đầu thực hiện từ ngày 01/11/2013. Bà M đã trả được 8 kỳ với số tiền là 26.564.000đ, kể từ ngày 08/7/2016 đến nay bà M không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Ngân hàng. Sau khi khởi kiện tại Tòa án vào ngày 21/4/2017 bà M trả được 500.000đ và ngày 31/5/2017 bà M trả tiếp 500.000đ.

Từ đó đến này dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà M thanh toán nhưng bà M vẫn cố tình day dưa không trả cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà M phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 70.522.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm hai mươi hai ngàn đồng) trong đó tiền gốc là 45.702.143đ và tiền lãi là 24.819.277đ. Ngân hàng không yêu cầu bà M phải trả tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp , tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Trần Thị M nhưng bà M vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không lý do theo thông báo của Tòa án. Do vậy Tòa án nhân dân quận Hải Châu không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa bà M vắng mặt lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, và quyết định hoãn phiên tòa bà Trần Thị M nhưng bà M vẫn cố tình vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị M.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Xét yêu cầu đòi nợ vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với bà Trần Thị M thì thấy:

[2.1] Ngày 24/9/2013 Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã phê duyệt hồ sơ vay theo đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng của bà Trần Thị M ghi ngày 24/9/2013, theo đó Ngân hàng cho bà Trần Thị M vay số tiền 57.000.000đ lãi suất là 2,91%/tháng, phí bảo hiểm là 2.850.000đ tổng số tiền vay là 59.850.000đ, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, theo thỏa thuận tại hợp đồng bà Trần Thị M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền là 98.086.000đ gồm tiền gốc và lãi, thời hạn trả trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả số tiền là 2.708.000đ vào ngày 01 hàng tháng bắt đầu thực hiện từ ngày 01/11/2013.

[2.2] Xét trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị M đã nhận đủ số tiền vay. Tuy nhiên, bà lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình, mà chỉ trả được với số tiền là 27.564.000đ. Sau đó bà M không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Ngân hàng. Dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà M thanh toán nhưng bà M vẫn cố tình day dưa không trả cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà M phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 70.522.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm hai mươi hai ngàn đồng) trong đó tiền gốc là 45.702.143đ và tiền lãi là 24.819.277đ. Ngân hàng không yêu cầu bà M phải trả tiền lãi.

[2.3] Nên, Ngân hàng không có nghĩa vụ phải chứng minh các tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng đã đưa ra cho yêu cầu khởi kiện buộc bà Trần Thị M phải trả số tiền là 70.522.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm hai mươi hai ngàn đồng) theo quy định Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do vậy Ngân hàng TMCP Việt Nam T đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị M phải trả số tiền là 70.522.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm hai mươi hai ngàn đồng) trong đó tiền gốc là 45.702.143đ và tiền lãi là 24.819.277đ là có cơ sở quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngân hàng không yêu cầu bà M phải tiếp tục trả lãi nên HĐXX không xem xét.

Hợp đồng tín dụng số 20130926 – 142003 – 0011 ngày 24/9/2013 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và bà Trần Thị M là hợp đồng tín chấp, hợp đồng cũng không thể hiện khoản nợ 70.522.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm hai mươi hai ngàn đồng) là nợ chung của bà Trần Thị M và ông Nguyễn Đức T đối với Ngân hàng TMCP Việt Nam T, nên không có căn cứ xác định ông Nguyễn Đức T tham gia tố tụng tại Tòa án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do vậy HĐXX không có cơ sở buộc ông Nguyễn Đức T phải có trách nhiệm cùng với bà Trần Thị M trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân

sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của TMCP Việt Nam T buộc bà Trần Thị M phải trả số tiền là 70.522.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm hai mươi hai ngàn đồng) trong đó tiền gốc là 45.702.143đ và tiền lãi là 24.819.277đ.

[3] Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn là bà Trần Thị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên quyết định.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.
- Áp dụng: Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của TMCP Việt Nam T đối với bà Trần Thị M.

Buộc bà Trần Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 70.522.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm hai mươi hai ngàn đồng) trong đó tiền gốc là 45.702.143đ và tiền lãi là 24.819.277đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Bà Trần Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.526.100đ (Ba triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn một trăm đồng).

Ngân hàng TMCP Việt Nam T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.788.000đ theo Biên lai số 005888 ngày 28/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu- TP Đà Nẵng.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được hoặc niêm yết trích sao bản án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lê Thị Thu Ba